

Số: 67/2024/QĐST-DS

Quận 11, ngày 22 tháng 3 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 191/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam; địa chỉ: 108 T, Quận H, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc H là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 602/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT3 ngày 31/05/2023).

*Bị đơn:*

- Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1985; địa chỉ: 4/6B ấp B, xã X, Huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1993; địa chỉ: 18/5 ấp N, xã X, Huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Trẻ Nguyễn Khải D, sinh năm 2020 – Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Minh N là người giám hộ hợp pháp của trẻ D.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

a) Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Minh N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam số tiền tổng cộng là 3.459.269.306 đồng (ba tỷ bốn trăm năm mươi chín triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm lẻ sáu) đồng, trong đó nợ gốc là 2.719.646.781 đồng, nợ lãi cộng dồn

tính đến ngày 14/3/2024 là 696.651.931 đồng, lãi chậm trả lãi và lãi chậm trả gốc tính đến ngày 14/3/2024 là 42.970.594 đồng, thời gian thanh toán chậm nhất vào ngày 30/6/2024.

Kể từ ngày 15/3/2024 ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Minh N còn phải trả thêm khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc còn thiếu cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 11/2021-HĐCV/NHCT942-PDGCMT8 ngày 29/3/2021 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam và Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị Minh N tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Sau khi ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Minh N trả hết nợ, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam có nghĩa vụ hoàn trả lại các giấy tờ bản chính liên quan đến căn hộ chung cư số 20.09 Chung cư Khối/Block 6 thuộc KDC La CaSa tại phường Phú Thuận, Quận 7, TP.HCM (tên thương mại Sky 89) là Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 20.09/NDMB-SKY ký ngày 03/12/2019 giữa chủ đầu tư Công ty Cổ phần An Gia Phú Thịnh và ông Nguyễn Hữu T.

Trường hợp ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Minh N không thực hiện việc trả tiền theo đúng thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp là Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư Căn hộ số 20.09 Chung cư Khối/Block 6 thuộc KDC La CaSa tại phường Phú Thuận, Quận 7, TP.HCM (tên thương mại Sky 89) số 20.09/NDMB-SKY ký ngày 03/12/2019 giữa chủ đầu tư Công ty Cổ phần An Gia Phú Thịnh và ông Nguyễn Hữu T theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 23/2021/HĐBĐ/NHCT942-PGDCMT8 ngày 29/3/2021 đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 17/6/2021 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam.

**b) Về án phí:**

- Án phí dân sự sơ thẩm là 50.592.693 (năm mươi triệu năm trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm chín mươi ba) đồng, ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị Minh N phải chịu án phí.

- Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam số tiền 48.561.555 (Bốn mươi tám triệu năm trăm sáu mươi một nghìn năm trăm năm mươi lăm) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0021587 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND Quận 11;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lại Thị Thu Thủy**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:**

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).